TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HS-ST
Ngày 19 - 8 – 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU,TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Dư Thị Út**

Ông **Trần Phạm Hoàng Long**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Đặng Văn Kép** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Hải Đăng** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 67/2022/HSST ngày 14 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Triệu Thị Thùy T; Giới tính: Nữ;

- Sinh ngày: 28/8/1981; Tại Bạc Liêu;

- Nơi cư trú: Số H, P, Khóm B, Phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

- Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12;

- Cha: Triệu Thanh S, sinh năm 1951; Mẹ: Tô Thị T (đã chết);

- Anh, chị ruột: 04 người; Lớn nhất sinh năm: 1973, nhỏ nhất sinh năm 1980;

- Chồng: Phạm Anh Đ, sinh năm: 1975; Con: 03 người, lớn sinh năm: 2004, nhỏ sinh năm: 2014.

- Tiền án: Không;

- Tiền sự: Không;

- Bị cáo bị khởi tố bị can ngày 21/01/2022, đến ngày 26/01/2022 bị bắt tạm giam đến ngày 02/3/2022, được tại ngoại điều tra đến nay (có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trịnh Thanh N, Luật sư Văn phòng luật sư Trịnh Thanh M Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu

**** Người bị hại*:**

+ Bà Nguyễn Thị Quốc T, sinh năm 1976

Nơi cư trú: C, khu tập thể B, Khóm N, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Ông Nguyễn Duy S, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV T Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu

+ Bà Trần Thị H, sinh năm 1962

Nơi cư trú: Số A, khóm Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo và ông Phạm Anh Đ (chồng của bị cáo) cùng đứng tên chủ sở hữu 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất số 1047 và số 1048 ở khóm B, phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Do cần tiền xây nhà, bị cáo và ông Đ đã thế chấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ngân hàng với số tiền 400.000.000 đồng. Do bị cáo không có nghề nghiệp và gặp khó khăn về việc trả nợ ngân hàng nên ông Triệu Thanh S (cha của bị cáo) đã cho tiền để vợ chồng bị cáo trả nợ và lấy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao cho bà Triệu Thúy K (chị ruột bị cáo) giữ giùm.

Đầu năm 2021, bị cáo dự định bán nhà để lấy tiền trả nợ nên hỏi mượn bà K 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cho khách xem. Khi mượn được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị cáo đem đi thế chấp cho bà Đào Thị D và ông Lưu Hoàng Đ để vay tiền nhưng lo sợ ông Sơn và bà K phát hiện nên nảy sinh ý định làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với mục đích đối phó gia đình. Từ ý định đó, bị cáo tìm hiểu trên mạng xã hội, thông qua mạng Zalo đã liên hệ tên tài khoản "Cao Su Non" đặt làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá 3.000.000 đồng/giấy. Sau đó, bị cáo gặp bà Đào Thị D mượn lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 1048 tọa lạc tại khóm B, phường H, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu chụp hình lại và gửi qua tài khoản "Cao Su Non" để đặt làm 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đối với 02 thửa đất số 1048 và số 1047 nhưng tài khoản "Cao Su Non" làm 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với thửa đất số 1048 rồi gửi cho bị cáo thông qua dịch vụ thu hộ (không nhớ dịch vụ nào).

Khoảng đầu tháng 6/2021, do cần tiền chi xài cá nhân, bị cáo nảy sinh ý định đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp vay tiền, nên ngày 17/6/2021, bị cáo đến gặp bà Nguyễn Thị Quốc T để hỏi vay 100.000.000 đồng với

lãi suất 05%/tháng, đồng thời thỏa thuận 10 ngày sau sẽ đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho bà T để làm tin; bà T đồng ý và yêu cầu bị cáo viết Giấy biên nhận mượn tiền. Sau khi nhận tiền, bị cáo lấy 5.000.000 đồng đóng lãi tháng đầu tiên cho bà T. Đến ngày 26/6/2021, bị cáo đem 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đã làm trước đó đưa bà T giữ như thỏa thuận, đồng thời đề nghị vay thêm 100.000.000 đồng, bà T đồng ý và yêu cầu bị cáo viết Giấy biên nhận vay số tiền 200.000.000 đồng rồi đưa bà T giữ. Do bà T không đủ tiền mặt nên đưa trước cho bị cáo 50.000.000 đồng, bị cáo lấy 2.500.000 đồng đóng lãi tháng đầu tiên cho bà T. Tuy nhiên, sau đó bị cáo không đến vay thêm 50.000.000 đồng và đã đóng lãi cho bà T được 06 tháng với tổng số tiền 45.000.000 đồng.

Đến ngày 04/10/2021, bị cáo tiếp tục đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả còn lại đến nhà bà Trần Thị H để thế chấp vay 50.000.000 đồng, bà H đồng ý cho bị cáo vay với lãi suất 15%/tháng, bị cáo đồng ý và ghi biên nhận tiền đưa cho bà H giữ. Sau khi nhận tiền, bị cáo lấy 7.500.000 đồng đóng lãi tháng đầu tiên cho bà H. Sau đó, bị cáo đóng lãi được 02 tháng với số tiền 15.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 117/GĐ-2021, ngày 10/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận như sau:

"- Hai phôi "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất" tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 là phôi giả.

- Hình dấu tròn có nội dung "Ủy ban nhân dân TP. Bạc Liêu – T. Bạc Liêu" trên "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất" tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với hình dấu tròn trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 không do cùng một con dấu đóng ra, là hình dấu giả.

- Chữ ký mang tên Trà Văn Bắc trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên Trà Văn Bắc dưới mục "KT.CHỦ TỊCH" trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 không do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Dương Chí Bình trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký đứng tên Dương Chí Bình trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 không do cùng một người ký ra".

Tại Bản kết luận giám định số 116/GĐ-2021, ngày 10/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận như sau:

"- Chữ ký mang tên Triệu Thị Thùy T trên các tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A4 so với chữ ký của Triệu Thị Thùy T trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2 do cùng một người ký ra.

- Chữ viết trên các tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A4 so với chữ viết tại dòng 23, bị cáo 4 tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1 và tại dòng 6 đến dòng 9, dòng 33 trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M2 do cùng một người viết ra.

- Chữ viết trên các tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A4 so với chữ viết trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1(trừ dòng 23, bị cáo 4) và trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M2 (trừ dòng 6 đến dòng 9, dòng 33) không phải do cùng một người viết ra".

Bản Cáo Trạng số 71/CT-VKS-HS ngày 13/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu truy tố bị cáo Triệu Thị Thùy T về các tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 và điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; khoản 1 Điều 38; điểm s, x khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 09 tháng - 01 năm tù.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; khoản 1 Điều 38; điểm b, s, x khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 01 năm - 01 năm 06 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự. Hình phạt chung bị cáo phải chịu từ 01 năm 09 tháng tù – 02 năm 06 tháng tù.

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại xong.

Án phí: Bị cáo được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi đã thực hiện; bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; bị cáo có mẹ là liệt sĩ; bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị áp dụng mức hình phạt thấp nhất đối với bị cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị Quốc T: Về trách nhiệm dân sự, bị cáo đã bồi thường xong, không yêu cầu vấn đề gì khác. Về hình phạt, xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Viện kiểm sát đã truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bạc Liêu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất và phù hợp với lời khai khác của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, đồng thời phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Ngày 17/6/2021, ngày 26/6/2021 tại khóm N, phường B, thành phố B và ngày 04/10/2021 tại khóm A, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, bị cáo có hành vi sử dụng 02 Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất giả để thế chấp chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Quốc T số tiền 142.500.000 đồng và bà Trần Thị H số tiền 42.500.000. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 185.000.000 đồng.

Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Căn cứ vào giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt, hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, việc truy tố và xét xử bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo đã hai lần sử dụng tài liệu giả để thực hiện tội phạm nghiêm trọng, khi thực hiện hành vi bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Cho nên, hành vi sử dụng tài liệu giả của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là chưa đầy đủ.

Căn cứ Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án xét xử bị cáo về tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng với quy định pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính của cơ quan Nhà nước; xâm phạm đến quyền quản lý, sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang cho người dân, nên cần phải có một mức

án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, sống có ích cho xã hội.

[4] Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cho nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, cụ thể như sau: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; bị cáo có mẹ là liệt sĩ; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s, x khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Đối với tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*, trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo có mẹ là liệt sĩ. Do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo, cần thiết áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bà Nguyễn Thị Quốc T 150.000.000 đồng, bồi thường cho bà Trần Thị H 55.000.000 đồng. Bị cáo và bị hại không yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Đối với hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức của người đăng ký thông tin tài khoản Zalo "Cao Su Non", do chưa xác định được nhân thân nên ngày 21/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bạc Liêu đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 09/QĐ-ĐTTH để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau, xét thấy là phù hợp.

Đối với bà Nguyễn Thị Quốc T và bà Trần Thị H có hành vi cho vay lãi nặng nhưng mức lãi suất chưa vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự hoặc thu lợi bất chính chưa đến 30.000.000 đồng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bạc Liêu đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Bạc Liêu ra quyết định xử phạt hành chính là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bị cáo là con của liệt sĩ, có yêu cầu được miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên về tình tiết định khung tăng nặng của tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" là chưa đầy đủ; các nội dung khác là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Triệu Thị Thùy T phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2**.** Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 341; điểm s, x khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử phạt bị cáo Triệu Thị Thùy T 01 (một) năm tù.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s, x khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Triệu Thị Thùy T 01 (một) năm tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sư. Hình phạt chung bị cáo Triệu Thị Thùy T phải chịu là 02 (hai) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt vào trại chấp hành hình phạt, được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 26/01/2022 đến ngày 02/3/2022.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Triệu Thị Thùy T được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niên yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Hồng Lam

Nơi nhận :
- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. Bạc Liêu;
- Sở tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp.BL;
- Bị cáo; Người bị hại; Luật sư;
- Lưu.